

NGHỊ QUYẾT

Về việc phân bổ dự toán thu, chi ngân sách năm 2023

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ KHÓA XVIII
KỲ HỌP THỨ 6**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/06/2015;

Căn cứ vào Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 về hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà Nước năm 2015;

Căn cứ vào Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 về Quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn;

Căn cứ vào Thông tư số 61/2021/TT-BTC ngày 26/7/2021 về hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, Kế hoạch Tài chính – Ngân sách giai đoạn 2022-2024;

Sau khi xem xét báo cáo dự toán thu chi ngân sách và Tờ trình của Ủy ban nhân dân xã về việc xin phê chuẩn dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và thu, chi ngân sách xã năm 2023 cụ thể như sau:

I. TỔNG THU NS NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN:	11.390.000.000đồng
<i>Trong đó:</i>	
1. Thu thuế môn bài:	13.000.000đồng
2. Thuế VAT-TNDN:	60.000.000đồng
3. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp:	40.000.000đồng
4. Cấp quyền sử dụng đất:	5.000.000.000đồng
5. Thuế thu nhập cá nhân, doanh nghiệp:	160.000.000đồng
6. Lệ phí trước bạ:	1.120.000.000đồng
7. Phí, lệ phí xã thu:	30.000.000đồng
8. Thu từ đất công ích:	5.000.000đồng
9. Thu thuê mặt đất:	20.000.000đồng
10. Thu khác ngân sách:	310.000.000đồng
11. Phí, lệ phí thị xã quản lý thu	10.000.000đồng
12. Thu bổ sung cân đối ngân sách:	4.622.000.000đồng

II. TỔNG THU NGÂN SÁCH XÃ: 5.821.000.000đồng

Trong đó:

- | | |
|--|-------------------|
| 1. Thu ngân sách phường hưởng 100%: | 35.000.000đồng |
| 2. Thu các khoản phân chia theo tỷ lệ %: | 1.164.000.000đồng |
| 3. Thu trợ cấp cân đối ngân sách: | 4.622.000.000đồng |

III. TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ: 5.821.000.000đồng

Trong đó:

- | | |
|---------------------------|-------------------|
| 1. Chi đầu tư phát triển: | 1.000.000.000đồng |
| 2. Chi thường xuyên: | 4.717.000.000đồng |
| 3. Dự phòng ngân sách: | 104.000.000đồng |

Điều 2. HĐND xã nhất trí các biện pháp thu, chi ngân sách do UBND xã trình bày, đồng thời nhấn mạnh thêm một số giải pháp sau:

2.1. Tập trung rà soát, khai thác hết các nguồn thu trên địa bàn.

2.2. Điều hành quản lý thu, chi theo đúng các quy định của pháp luật và dự toán được giao; sử dụng dự phòng ngân sách để thực hiện các nhiệm vụ đột xuất, phòng chống, khắc phục thiên tai, dịch bệnh, đảm bảo an ninh quốc phòng và các nhu cầu đột xuất, cấp bách phát sinh. Thực hiện chủ trương thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý điều hành chi thường xuyên.

2.3. Căn cứ vào khả năng thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách, sắp xếp và điều hành các nhiệm vụ chi để đảm bảo cân đối ngân sách, trường hợp hụt thu ngân sách cần rà soát, điều chỉnh các nhiệm vụ chi theo thứ tự ưu tiên, cắt giảm hoặc giãn thời gian thực hiện đối với các nhiệm vụ chi chưa thực sự cần thiết và cấp bách.

2.4. Thực hiện đồng bộ các biện pháp thu hút đầu tư, tạo mọi điều kiện và tăng cường giám sát nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án. Tích cực huy động các nguồn vốn cho đầu tư phát triển; lồng ghép có hiệu quả nguồn vốn đầu tư của các tổ chức, cá nhân, sự đóng góp của nhân dân và các nguồn tài trợ khác cùng nguồn vốn ngân sách để xây dựng kết cấu hạ tầng, chỉnh trang đô thị, nông thôn mới.

2.5. Tập trung huy động nguồn thu để chi đầu tư theo Luật đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014 và xử lý nợ đọng trong xây dựng cơ bản; thực hiện tốt Chỉ thị số 21/CT-UBND ngày 12/8/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về tăng cường, đẩy mạnh quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

2.6. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá tiến độ triển khai và hiệu quả của các dự án đầu tư; gắn với việc thực hiện chống tham ô, tham nhũng, lãng phí; quản lý và chấp hành các chế độ chính sách tài chính, quy trình huy động, quản lý, sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân.

Điều 3. Giao UBND xã tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Trong quá trình quản lý điều hành ngân sách và thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển nếu có biến động, giao UBND xã thông nhất với thường trực HĐND xã để có điều chỉnh, bổ sung kịp thời và báo cáo HĐND xã vào kỳ họp gần nhất.

Thường trực HĐND, các ban HĐND xã, đại biểu HĐND xã có trách nhiệm giám sát dự toán thu, chi ngân sách xã năm 2023 có hiệu quả nhất.

Nghị quyết này được HĐND xã Thuận Lộc khóa XVIII thông qua ngày 29 tháng 12 năm 2022 tại kỳ họp thứ 6./.

Nơi nhận:

- Thường trực thị uỷ: HĐND, UBND thị xã;
- Đoàn công tác của BTV TU tại Thuận Lộc;
- Đại biểu HĐND thị xã bầu trên địa bàn;
- Thường trực Đảng uỷ, HĐND;
- Chủ tịch, PCT UBND xã;
- Các đ/c UVBCH Đảng bộ xã
- Đại biểu HĐND xã;
- UBMTTQ và các ban, ngành, đoàn thể cấp xã;
- Cấp uỷ, BCS các thôn;
- Lưu: VT.



Nguyễn Huy Khuyến

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ THUẬN LỘC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



PHỤ LỤC PHÂN BỐ THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 29/12/2022 của HĐND xã Thuận Lộc)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2022		Dự toán năm 2023		% so sánh UTH/DT	
		Thu NSNN	Thu NS xã	Thu NSNN	Thu NS xã	Thu NSNN	Thu NS xã
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	Tổng thu ngân sách	18.087.231.443	14.384.007.387	11.390.000.000	5.821.000.000	62,97	40,47
I	Các khoản thu 100%	63.321.000	60.521.000	35.000.000	35.000.000	55,27	57,83
1	Phí, lệ phí xã thu	31.471.000	31.471.000	30.000.000	30.000.000	95,33	95,33
2	Thu khác tại xã	24.600.000	24.600.000				
3	Thu phạt hành chính	7.250.000	4.450.000				
4	Thu từ đất công ích			5.000.000	5.000.000		
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	4.771.700.909	1.071.276.853	6.733.000.000	1.164.000.000	141,10	108,66
1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	64.345.776	64.345.776	40.000.000	40.000.000	62,16	62,16
2	Lệ phí môn bài từ cá nhân, hộ kinh doanh	6.100.000	1.640.000	13.000.000	3.000.000	213,11	182,93
3	Lệ phí trước bạ	238.720.200	98.131.362	1.120.000.000	96.000.000	469,17	97,83
4	Thuế cấp quyền sử dụng đất	3.932.000.000	786.400.000	5.000.000.000	1.000.000.000	127,16	127,16
5	Thuế VAT - TNDN	202.258.321	111.934.375	60.000.000	25.000.000	29,67	22,33
6	Thuế thu nhập cá nhân	298.841.673		160.000.000		53,54	
7	Tiền thuê mặt đất, mặt nước	29.417.795	8.825.340	20.000.000		67,99	
8	Thu khác ngân sách	17.144		310.000.000		1.808.213	

9	Phí, lệ phí thị xã quản lý thu			10.000.000			
III	Thu chuyển nguồn	1.137.631.426	1.137.631.426				
IV	Thu kết dư ngân sách năm trước	2.332.950.608	2.332.950.608				
V	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	9.781.627.500	9.781.627.500	4.622.000.000	4.622.000.000	47,25	47,25
1	Bổ sung cân đối ngân sách	4.404.332.000	4.404.332.000	4.622.000.000	4.622.000.000	104,94	104,94
2	Bổ sung có mục tiêu	5.377.295.500	5.377.295.500				

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÁ THUẬN LỘC

PHỤ LỤC PHÂN BỐ CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 29/12/2022 của HĐND xã Thuận Lộc)

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung	Ước thực hiện năm 2022			Dự toán năm 2023			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
I	5	6	7	5	6	7	8 = 5/2	9 = 6/3	10 = 7/4
Tổng chi	14.201.911.000	7.699.768.000	6.502.143.000	5.821.000.000	1.000.000.000	4.821.000.000	40,99	12,99	74,14
1. Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	338.343.000		338.343.000	414.000.000		414.000.000	122,36		122,36
- Chi dân quân tự vệ	278.343.000		278.343.000	354.000.000		354.000.000	127,18		127,18
- Chi trật tự an toàn xã hội	60.000.000		60.000.000	60.000.000		60.000.000	100,00		100,00
2. Chi giáo dục	14.000.000		14.000.000	15.000.000		15.000.000	107,14		107,14
3. Chi văn hóa, thông tin	35.000.000		35.000.000	75.000.000		75.000.000	214,29		214,29
4. Chi thể dục, thể thao	70.000.000		70.000.000	60.000.000		60.000.000	85,71		85,71
5. Chi phát thanh, truyền thanh									
6. Chi bảo vệ môi trường									
7. Chi các hoạt động kinh tế	6.548.373.000	7.699.768.000	1.592.174.000	400.000.000	1.000.000.000	0	6,11		
- Giao thông	6.548.373.000	6.548.373.000			600.000.000				
- Nông - lâm - thủy lợi - hải sản		97.787.000	1.592.174.000						
- Kiến thiết Thị chính		1.053.608.000			400.000.000			0,38	
- Các hoạt động kinh tế khác									
8. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.283.885.000		4.283.885.000	3.923.000.000		3.923.000.000	91,58		91,58
<i>Trong đó: - Quỹ lương</i>	3.133.461.000		3.133.461.000	3.256.000.000		3.256.000.000	103,91		103,91
- <i>Cắt cách tiền lương</i>						132.000.000			
8.1. Hội đồng nhân dân	237.243.000		237.243.000	362.000.000		362.000.000	152,59		152,59
8.2. Quản lý Nhà nước	2.832.804.000		2.832.804.000	2.200.000.000		2.200.000.000	77,66		77,66
8.3. Đảng Cộng sản Việt Nam	452.636.000		452.636.000	512.000.000		512.000.000	113,12		113,12
8.4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	180.746.000		180.746.000	186.000.000		186.000.000	102,91		102,91

8.5. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	139.771.000	139.771.000	157.000.000	157.000.000	112,33	112,33
8.6. Hội Liên hiệp Phụ nữ	153.707.000	153.707.000	167.000.000	167.000.000	108,65	108,65
8.7. Hội Cựu chiến binh	116.735.000	116.735.000	129.000.000	129.000.000	110,51	110,51
8.8. Hội Nông dân	146.293.000	146.293.000	165.000.000	165.000.000	112,79	112,79
8.9. Chi hỗ trợ khác (nếu có)	23.950.000	23.950.000	30.000.000	30.000.000	125,26	125,26
8.10. Tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật	6.500.000	6.500.000	15.000.000	15.000.000	230,77	230,77
9. Chi cho công tác xã hội	138.361.000	138.361.000	125.000.000	125.000.000	90,34	90,34
- Trợ cấp hàng tháng cho cận bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và Trợ cấp khác; Thanh niên XP	81.711.000	81.711.000	90.000.000	90.000.000	110,14	110,14
- Chi hoạt động người có công và đảm bảo xã hội khác	56.650.000	56.650.000	35.000.000	35.000.000	61,78	61,78
10. Chi khác	30.380.000	30.380.000	25.000.000	25.000.000	82,29	82,29
11. Dự phòng	0	0	104.000.000	104.000.000		
12. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau						

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ THUẬN LỘC

Mẫu biểu số 01

PHỤ LỤC PHÂN BỐ CHI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 28NQ-HĐND ngày 29/12/2022 của HĐND xã Thuận Lộc

Đơn vị: 1.000 đồng

TT	Nội dung chi	Số tiền	Ghi chú
1	Chỉnh trang, nâng cấp, mở rộng đường giao thông tại thôn Thuận Trung, xã Thuận Lộc (Tuyến từ nhà ông Hợp đến nhà ông Lương)	89.000	
2	Chỉnh trang, nâng cấp, mở rộng đường giao thông tại thôn Thuận Giang, xã Thuận Lộc (Tuyến từ nhà ông Kiệt đến nhà ông Diện)	62.000	
3	Chỉnh trang, nâng cấp, mở rộng đường giao thông tại thôn Thuận Sơn, xã Thuận Lộc (Tuyến từ nhà ông Minh đến nhà ông Thùy)	40.000	
4	Chỉnh trang, nâng cấp, mở rộng đường giao thông tại thôn Thuận Sơn, xã Thuận Lộc (Tuyến từ nhà ông Ngọc đến nhà ông Lan)	76.000	
5	Chỉnh trang đô thị, nâng cấp, mở rộng đường giao thông tại thôn Tân Hòa, xã Thuận Lộc năm 2021	60.000	
6	Chỉnh trang, nâng cấp, mở rộng đường giao thông tại thôn Thuận Sơn, xã Thuận Lộc (Tuyến từ nhà ông Thức đến nhà ông Ổn)	100.000	
7	Chỉnh trang, nâng cấp, mở rộng đường giao thông tại thôn Thuận Sơn, xã Thuận Lộc (Tuyến từ nhà Bà Lục đến nhà bà Minh)	140.000	
8	Chỉnh trang, nâng cấp, mở rộng đường giao thông tại thôn Chùa, xã Thuận Lộc năm 2021	110.000	
9	Sửa chữa dãy nhà học 2 tầng; mái che sân khấu ngoài trời Trường mầm non Thuận Lộc	323.000	
	Tổng cộng	1.000.000	